

Bản án số 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09/5/2019
(V/v hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Văn Tân

*** Hội thẩm nhân dân:**

1/ Ông Trần Xuân Hòa

2/ Bà Đặng Thị Thêm

***/ Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lê Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu.

***/ Đại diện VKSND huyện Khoái Châu:** Bà Lê Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2019, về việc hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/HNGĐ-QĐXX ngày 12/4/2019 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 04/2019/TB-TA ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Vũ Lệ N**, sinh năm 1991 (có mặt tại phiên tòa)

Trú tại: thôn D, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T**, sinh năm 1990 (vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/10/2013

- Cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 04/02/2016

Người giám hộ cho cháu K và cháu H: Chị Vũ Lệ N, sinh năm 1991 (mẹ đẻ của cháu K và cháu H)

Đều trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị Vũ Lệ N trình bày tại Tòa án như sau:

Chị Vũ Lệ N kết hôn với anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1990, là người ở thôn L, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Hôn nhân giữa chị N và anh T là hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 29/3/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị N chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh T tại thôn L, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống, vợ chồng chị N hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình. Chị N đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không nghe và không thay đổi tính cách. Do thương con nên chị N đã cố gắng chịu đựng chung sống với anh T nhưng mâu thuẫn vợ chồng chị ngày càng trở nên căng thẳng và đến tháng 7/2018 thì hai bên đã sống ly thân nhau. Trong quá trình sống ly thân nhau, thỉnh thoảng anh T có gọi điện yêu cầu chị quay về chung sống nhưng chị không chấp nhận và không quay về với anh T nữa. Nay chị N xác định hoàn toàn không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị N có hai con chung, con lớn là Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/10/2013, con nhỏ là Nguyễn Minh H, sinh ngày 04/02/2016. Hiện tại cả hai con chung đang ở với ông bà nội là ông Nguyễn Tiến Thành và bà Nguyễn Thị Nhân. Khi ly hôn, chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh H đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại, chị N là nhân viên kinh doanh của công ty cổ phần Phoenix camp tại Hà Nội, thu nhập trung bình mỗi tháng là 11.500.000đ.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N khẳng định vợ chồng chị không có tài sản chung, cũng không có công nợ chung.

Về đất ruộng nông nghiệp: Chị N khẳng định vợ chồng chị không có gì liên quan với nhau.

Về công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Chị N khẳng định không có công sức gì đóng góp đối với hai bên gia đình nên không yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh T đến Tòa án tham gia phiên họp xem xét, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh và đến nơi cư trú của anh T để lấy lời khai của anh T nhưng anh T không có nhà. Bố đẻ của anh T là ông Nguyễn Tiến Thành khẳng định anh T đã biết việc chị N làm đơn xin ly hôn và Tòa án đã thông báo cho anh T đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án xin ly hôn theo đơn của chị N nhưng anh T không đến và có quan điểm cứ để Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ngày 10/4/2019, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời có quan điểm đồng ý ly hôn với chị N và đồng ý giao cả hai con chung cho chị N nuôi dưỡng. Ngoài ra, anh T không có ý kiến gì khác.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn - chị Vũ Lệ N giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T. Chị N khẳng định mâu thuẫn vợ chồng chị đã thật sự trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống với nhau được nữa.

Về con chung, chị N khẳng định, thời gian vừa rồi chị đã đón cả hai con chung về ở với chị. Trước đây chị có quan điểm xin được nuôi một con chung vì chị nghĩ là anh T có tranh chấp và sẽ không giao cả hai con cho chị nuôi. Nay anh T đồng ý giao cả hai con cho chị thì chị hoàn toàn đồng ý và xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi các cháu trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, đất ruộng nông nghiệp 03 và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Chị N khẳng định vợ chồng chị không có gì liên quan nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Minh T vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt). Nội dung đơn xin giải quyết vắng mặt, anh T đồng ý ly hôn và đồng ý giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình thì anh T không đề cập đến. Do vậy, nếu sau này anh T có đơn yêu cầu giải quyết về các vấn đề này sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, đã xác định chính xác mối quan hệ có tranh chấp, ra thông báo thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời gian quy định. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thẩm phán xác định đúng tư cách pháp lý của các chủ thể để đưa họ vào tham gia tố tụng. Việc cấp, tổng đạt các quyết định đến các đương sự đảm bảo đúng thời hạn. Tòa án thực hiện việc chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát đúng thời hạn luật định; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về nguyên tắc xét xử, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng và không thuộc trường hợp phải thay đổi theo quy định tại Điều 53, Điều 226 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật vì nhiều lần không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị N, anh T đã trở nên trầm trọng, cả hai đều đồng ý ly hôn nên đề nghị hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T. Về con chung: chấp nhận sự tự nguyện của anh T, giao cả hai con chung cho anh chị N tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành. Chị N không yêu cầu xem xét về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, công nợ

ruộng đất nông nghiệp 03 của chị N, anh T không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này vì chị N khẳng định không có gì liên quan, còn anh T không có yêu cầu gì. Ngoài ra, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, tranh luận công khai tại phiên tòa ngày hôn nay cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn mặc dù vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nên phiên tòa phù hợp quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Lệ N và anh Nguyễn Minh T kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 29/3/2013 nên đã xác lập về quan hệ vợ chồng và được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Căn cứ vào lời khai của chị N, lời khai của người làm chứng, cùng kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã Đ đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị N là hoàn toàn có thật và hiện đã trở nên trầm trọng, hai bên đã sống ly thân nhau từ lâu và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Mặc dù chị N, anh T đã được gia đình và người thân động viên, khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng chị vẫn không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho chị N và anh T đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí đoàn tụ. Sau đó, anh T có đơn xin giải vắng mặt và đồng ý ly hôn với chị N.

Từ những căn cứ nêu trên xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/10/2013 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 04/02/2016. Hiện tại cả hai con chung đang ở với chị N. Khi ly hôn, chị N xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đồng ý giao cả hai con chung cho chị N nuôi dưỡng nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của anh T, chị N.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Chị N khẳng định không có gì liên quan nên không đặt ra xem xét. Anh T không có quan điểm gì về vấn đề này. Nếu sau này anh T có yêu cầu về vấn đề này thì sẽ được giải quyết ở vụ kiện dân sự khác.

Về án phí: Chị Vũ Lệ N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

- **Áp dụng:** Các Điều 51; 55, 57; 58, 81, 82, 83, 84 - Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Lệ N và anh Nguyễn Minh T.

- **Về con chung:** Giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/10/2013 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 04/02/2016 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- **Về án phí:** Chị Vũ Lệ N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai số 0001090 ngày 18/02/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu (chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

- **Về quyền kháng cáo:** Án xét xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại địa phương nơi người vắng mặt cư trú.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS K/C;
- UBND xã Đ;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Văn Tân

